

# KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA ĐÀO CHO MIỀN BẮC VIỆT NAM

Đặng Văn Đông, Nguyễn Thị Thu Hằng

## SUMMARY

### Results of selecting peach flower varieties for the North of Vietnam

From germplasm collection of cherry varieties in Northern Vietnam, the Fruit and Vegetable Research Institute has selected 3 peach blossom varieties ĐBi1, ĐBa1, ĐP1 with some good characteristics such as: good growth and development, high-quality flowers, typical flower colors including variety ĐBi1 with red flowers, variety ĐP1 with pale pink flowers, variety ĐBa1 with white flowers which are all preferred by consumers, in accordance with the ecological conditions of some localities.

**Keywords:** Peach blossom varieties; ĐBi1, ĐBa1, ĐP1, growth, development, accordance

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa đào (*Prunus persia* (L.) Batsch) xuất hiện ở Việt Nam từ rất lâu đời. Thú chơi đào ngày Tết đã trở thành một phong tục, một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc không thể thiếu được của người dân miền

Bắc nước ta. Chính vì vậy, ở miền Bắc đã hình thành một số vùng sản xuất hoa đào chuyên canh như Nhật Tân (Hà Nội), Phường Hoàng Văn Thụ (TP Bắc Giang), Gia Lộc (Hải Dương), Đồng Thái (Hải Phòng), Đông Hưng (Thái Bình)... Những vùng này mỗi năm cung cấp hàng chục vạn

cây đào cho thị trường, thu nhập của người trồng hoa đào đạt tới 500 triệu đến 1 tỷ đồng/ha/năm. Trong đó lợi nhuận 30 - 50%.

Tuy hoa đào được trồng lâu đời thành những vùng sản xuất lớn, nhưng vẫn chủ yếu trồng các giống truyền thống, có từ hàng trăm năm nay. Bên cạnh những ưu điểm những giống này cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, đồng thời càng ngày càng bộc lộ sự thoái hóa dẫn đến chất lượng hoa không cao.

Để lựa chọn các giống hoa đào có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của một số địa phương, đáp ứng được thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng. Từ tập đoàn hoa đào thuộc nhiệm vụ: “Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen một số giống hoa đào miền Bắc Việt Nam” chúng tôi đã tiến hành: “*Tuyển chọn một số giống hoa đào miền Bắc Việt Nam*”.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Vật liệu nghiên cứu

Gồm 30 mẫu giống hoa đào được thu thập từ 13 tỉnh thành miền Bắc Việt Nam đang được trồng tại Viện Nghiên cứu Rau quả. Cụ thể như sau:

TT	Chủng loại (theo màu hoa)	Nguồn gốc (theo nơi thu thập)	Số mẫu giống	Tỷ lệ %
1	Đào Bích	Hà Nội, Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Yên Bái, Lạng Sơn, Sơn La, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bắc Giang, Hà Giang	15	50,00
2	Đào Phai	Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Yên Bái, Sơn La, Lào Cai, Bắc Kạn, Hà Giang	8	26,66
3	Đào Bạch	Lạng Sơn, Hà Nội, Lào Cai	3	10,00
4	Đào đỏ nhung	Lạng sơn, Hà Nội	2	6,67
5	Đào đỏ tiết dê	Lạng sơn, Lào Cai	2	6,67
	<b>Cộng</b>		<b>30</b>	<b>100</b>

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### \* Các bước tiến hành

Năm 2009, 2010: Thu thập, đánh giá tập đoàn nguồn gen hoa đào tại Viện Nghiên cứu Rau quả (Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội).

Năm 2011: Khảo nghiệm cơ bản các nguồn gen triển vọng tại Viện Nghiên cứu Rau quả (Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội).

Năm 2012: Khảo nghiệm sản xuất đối với 3 giống có triển vọng là các giống

ĐB1, ĐP1, ĐB1 tại các địa phương Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Dương

#### \* Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Thí nghiệm đánh giá tập đoàn hoa đào được bố trí theo phương pháp tuần tự, không nhắc lại.

- Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, mỗi lần nhắc lại 10 cây.

- Thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất bố trí các giống theo phương pháp tuần tự không nhắc lại, diện tích mỗi giống là 2ha

Điều kiện thí nghiệm: Chăm sóc cây thí nghiệm được áp dụng quy trình kỹ thuật trồng hoa đào của Viện Nghiên cứu Rau quả.

Chỉ tiêu theo dõi: Các nguồn gen hoa đào được theo dõi các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, chất lượng hoa và khả năng chống chịu sâu bệnh.

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 1. Kết quả khảo sát tập đoàn

Bảng 1. Đặc điểm hình thái của các nguồn gen trong tập đoàn

Chỉ tiêu nghiên cứu	Biểu hiện	Số nguồn gen	Tỷ lệ (%)	Nguồn gen đại diện
Kiểu phân cành	Hình cột	20	66,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2...
	Thẳng đứng	10	33,33	06-1, 06-2, 07, 08...
Màu sắc lá	Màu xanh biếc	17	56,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2, 04-1...
	Màu xanh nhạt	10	33,33	06-1, 06-2, 07, 08.....
	Màu xanh thẫm	3	10,00	15, 16, 03-2
Hình dạng lá	Mũi mác	14	50,00	06-1, 06-2, 07, 08...
	Mũi mác hẹp	16	46,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2, 03-1...
Hình dạng nụ	Tròn	9	30,00	02-1, 02-2, 08, 10, 11...
	Trứng	17	56,67	01-1, 03-1, 04-1, 05, 15, 16...
	Ồ van hẹp	2	6,67	03-1, 07
	Elip	2	6,67	09, 06-3
Màu sắc hoa	Đỏ đậm	3	10,00	04-1, 15, 16
	Đỏ	7	23,33	01-1, 01-2, ...
	Đỏ nhung	2	6,67	13, 14
	Hồng đậm	8	26,67	02-1, 02-2, 03-1, 03-2...
Màu sắc hoa	Hồng	7	23,33	05-1, 05-2, 06-1, 06-2...
	Hồng nhạt	1	3,33	07
	Trắng	2	6,67	08, 09
Loại cánh	Đơn	3	10,00	01-4, 07, 09
	Kép	27	90,00	01-1, 01-2, 05, 15, 16...

Nhìn chung, đặc điểm hình thái của các giống đào trồng thử nghiệm không thay đổi nhiều so với trồng tại nơi nguyên sản của nó, điều này được giải thích là các đặc điểm này phụ thuộc phần lớn vào bản chất di truyền của giống.

Sau khi tiến hành đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của mẫu giống thí nghiệm, các kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của các nguồn gen hoa đào

Chỉ tiêu	Biểu hiện	Số nguồn gen	Tỷ lệ (%)	Nguồn gen đại diện
Số lượng cánh/hoa (cánh)	5	2	43,33	07, 09
	14-16	3	6,67	14, 15, 16...
	16-20	9	10,00	02-1, 04-1, 8...
	>20	16	30,00	01-1, 03-1, 05-1, 08...
Đường kính hoa (cm)	2,0-3,0	10	53,33	04-1, 06-1, 09...
	>3,0 -3,5	14	33,33	01-1, 02-1, 07....
	>3,5 -4,0	5	46,67	02-1, 08.....
	> 4,0	1	16,67	05-1
Tỷ lệ hoa nở (%)	<70%	9	3,33	04-1, 13, 14.....
	70-80%	8	30,00	15, 16, 02-1....
	80-90%	6	26,67	03-1, 06-1, 07....
	>90%	7	20,00	01-1, 05-1, 08....
Độ bền hoa tự nhiên (ngày)	4-5	7	23,33	09, 06-1...
	>5-7	18	23,33	01-1, 02-1, 07...
	>7	15	60,00	03-1, 04-1, 05-1...

Qua đánh giá tập đoàn nguồn gen hoa đào nhận thấy một số dòng, giống ĐBi1, ĐBi3, ĐBa1, ĐP1, ĐN1, ĐTD1 màu sắc đặc trưng cho các nhóm giống có khả năng ra hoa, đường kính hoa > 3,0cm, tỷ lệ hoa nở trong khoảng cho phép.

## 2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

Kết quả tỷ lệ sống và thời gian bật mầm của các nguồn gen hoa đào triển vọng thể hiện tại bảng 3.

Tỷ lệ sống ở tất cả các dòng đều rất cao, trong đó giống ĐBi1 có tỷ lệ cao nhất đạt 98%, thấp nhất là giống ĐTD1 đạt 87,5%.

Thời gian bật mầm mới: Giống ĐBi1 khả năng bật mầm mới sau trồng sớm nhất và nhanh nhất 18 ngày, hai giống ĐBi3 và ĐP1 tương đương nhau 17 ngày, giống đào ĐN1 khả năng bật mầm mới chậm nhất 25 ngày.

Bảng 3. Tỷ lệ sống và thời gian bật mầm mới của các dòng, giống hoa đào triển vọng

Giống	Chỉ tiêu	Tỷ lệ sống (%)	Thời gian bật mầm mới (ngày)		
			10% số cây bật mầm	50% số cây bật mầm	90% số cây bật mầm
	ĐBi1	98,0	8	12	18
	ĐBi3	95,4	9	13	17
	ĐP1	97,4	9	13	17
	ĐBa1	96,2	10	13	19
	ĐN1	93,2	13	19	25
	ĐTD1	87,5	11	16	20

Để đánh giá tốc độ sinh trưởng của 6 giống, tiến hành theo dõi một số chỉ tiêu về đường kính thân, đường kính tán. Số liệu thu được ở bảng 4.

Sau trồng 6 tháng đường kính thân của các giống dao động từ 1,1 - 1,8cm, đường

kính tán dao động từ 0,74 - 1,89cm. Trong đó giống ĐP1 có đường kính thân (1,8cm), đường kính tán (1,89cm) là lớn nhất, giống ĐN1 có đường kính thân (1,9cm), đường kính tán (0,74cm) nhỏ nhất.

**Bảng 4. Khả năng tăng trưởng của đường kính thân, tán của các dòng, giống hoa đào triển vọng**

Chi tiêu Giống	2 tháng sau trồng		4 tháng sau trồng		6 tháng sau trồng	
	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)
ĐBi1	0,6	0,35	1,1	0,57	1,6	1,13
ĐBi3	0,3	0,25	0,7	0,58	1,5	0,83
ĐP1	0,7	0,48	1,1	0,87	1,8	1,89
ĐBa1	0,5	0,40	0,9	0,75	1,5	1,56
ĐN1	0,3	0,32	0,6	0,50	1,1	0,74
ĐTD1	0,3	0,30	0,7	0,62	1,2	0,90
CV(%)					7,7	11,97
LSD <sub>05</sub>					0,3	0,6

Động thái tăng trưởng chiều dài cành lộc của các giống sau cắt tỉa lần cuối có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định thời điểm tác động các biện pháp kỹ thuật để kìm hãm sự sinh trưởng giúp cây ra hoa vào dịp Tết. Kết quả theo dõi sự sinh trưởng của chiều dài cành lộc sau cắt tỉa lần cuối 20 ngày, 30 ngày, 40 ngày của các giống đào được trình bày trong bảng 5.

Chiều dài cành lộc sau 40 ngày cắt tỉa dao động từ 20,53cm đến 37,25cm. Giống

ĐP1 có chiều dài cành lộc lớn nhất 37,25cm, tiếp đó là các giống ĐBi3, ĐBa1. Dòng ĐN1 có chiều dài cành lộc nhỏ nhất 20,53cm.

Đường kính cành lộc của các dòng không có sự khác nhau nhiều sau cắt tỉa lần cuối 20 ngày, 30 ngày, 40 ngày chỉ tăng từ 0,09 - 0,11cm. Dòng đào ĐBi3 có đường kính cành lộc lớn nhất 0,24cm. Các dòng ĐBi1, ĐN1, ĐTD1 có đường kính cành lộc nhỏ nhất là 0,2cm.

**Bảng 5. Động thái tăng trưởng của chiều dài cành lộc và đường kính cành lộc của các dòng giống đào sau cắt tỉa lần cuối**

Chi tiêu Giống	Sau cắt tỉa lần cuối					
	20 ngày		30 ngày		40 ngày	
	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)
ĐBi1	5,23	0,11	14,15	0,16	26,45	0,20
ĐBi3	5,42	0,12	16,33	0,18	30,53	0,24
ĐP1	6,16	0,15	18,7	0,21	37,25	0,23
ĐBa1	5,73	0,13	16,15	0,19	29,45	0,23
ĐN1	5,00	0,11	13,33	0,15	20,53	0,20
ĐTD1	4,56	0,1	12,23	0,15	24,46	0,20
CV(%)					7,3	12,6
LSD <sub>05</sub>					5,24	0,03

